TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 27-9-2019

V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Luân

2. Ông Nguyễn Xuân Trường

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phan Trọng Thắng – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 245/2019/TLST-HNGĐ ngày 05/8/2019 về việc: "*ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2019/QĐXX - ST ngày 13 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L sinh năm: 1975

Địa chỉ: Thôn L, xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Anh Trần Quang Ch sinh năm: 1982

Địa chỉ: Thôn 14, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

(Chị L có mặt còn anh Ch có đơn yêu cầu vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Trần Quang Ch xây dựng gia đình với nhau năm 2005, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Vinh, thị xã Hoàng M, tỉnh Nghệ An, vào ngày 08/4/2005. Quá trình Ch sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong mọi vấn đề nên hay cãi

nhau. Anh Ch đã bỏ về quê ở Nghệ An sống từ năm 2014 cho đến nay. Trong thời gian ly thân thì vợ chồng cũng không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc như mong muốn. Vì vậy, chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ch. Về con Ch chị L xác định trong quá trình Ch sống có 01 con Ch là Trần Thị Phương M, sinh ngày 15/01/2008. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con Ch, không yêu cầu anh Ch phải dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ Ch chị L xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời nộp kèm theo đơn khởi kiện chị L đã nộp các chứng cứ gồm bản sao giấy chứng nhận kết hôn, bản sao giấy khai sinh của con Ch.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Trần Quang Ch trình bày: anh và chị L xây dựng gia đình với nhau năm 2005, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Vinh, huyện Quỳnh Lưu (nay là thị xã Hoàng M), tỉnh Nghệ An, quá trình Ch sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 4/2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên đã sống ly thân từ tháng 4/2015. Nay chị L yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý vì vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Về con Ch anh Ch xác định vợ chồng có một con là Trần Thị Phương M, sinh ngày 15/01/2008, từ khi vợ chồng ly thân cháu M vẫn ở với chị L nên khi ly hôn thì anh đồng ý giao con cho chị L nuôi, chị L không yêu cầu cấp dưỡng thì anh không có ý kiến gì. Về tài sản Ch anh Ch xác định vợ chồng tự thỏa thuận.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Ch vắng mặt nên không hòa giải được, Tòa án đã tống đạt hợp lệ kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh Ch nhưng anh Ch không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, cụ thể: Thẩm phán, thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị L, xử cho chị L được ly hôn với anh Ch. Về con Ch đề nghị tiếp tục giao con cho chị L có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Về tài sản Ch và nợ Ch không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí: đề nghị buộc chị L phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Quang Ch có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 cần xem xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục Ch là phù hợp.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Ch xây dựng gia đình với nhau năm 2005 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Vinh, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Quá trình Ch sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn nên chị L làm đơn yêu cầu được ly hôn. Tại phiên tòa,chị L trình bày nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nhất là trong việc lựa chọn địa điểm Ch sống, anh Ch muốn về Nghệ An sống còn chị đã ổn định ở Lâm Hà vì vậy chị không đồng ý, hơn nữa do anh Ch không lo tu chí làm ăn để phát triển kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Còn anh Ch vắng mặt nhưng trong lời khai anh Ch cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và đã ly thân từ 2015, hiện vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L với anh Ch là do vợ chồng không hợp nhau và do cái tôi của mỗi người quá lớn nên mỗi khi xảy ra mâu thuẫn thì không ai nhường nhịn ai dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và vợ chồng tự sống ly thân đã lâu. Vì vậy, nếu cứ kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài không còn khả năng để cải thiện, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị L, xử cho chị L và anh Ch được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3]. Về con Ch: Chị L và anh Ch có một con Ch là Trần Thị Phương M, sinh ngày 15/01/2008. Khi ly hôn chị L đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh Ch phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân thì cháu M vẫn Ch sống với chị L, do chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hơn nữa cháu M có nguyện vọng được sống cùng với mẹ khi bố mẹ ly hôn và anh Ch cũng đồng ý giao con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục nên căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao con là Trần Thị Phương M cho chị L có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu nên không xem xét.

[4]. Về tài sản Ch chị L xác định không có còn anh Ch xác định vợ chồng tự thỏa thuận, về nợ Ch các đương sự đều xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét về tài sản Ch và nợ Ch trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Lê phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 203; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L, xử cho chị Nguyễn Thị L và anh Trần Quang Ch được ly hôn.

2/ Về con Ch: Giao con là Trần Thị Phương M, sinh ngày 15/01/2005 cho chị Nguyễn Thị L có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Anh Trần Quang Ch không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0006849 ngày 05/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, chị L đã nộp đủ án phí.

Báo cho chị L biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án (27/9/2019), còn anh Ch vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tòa án niêm yết bản án tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- THA dân sự huyện Lâm Hà;
- Ban tư pháp xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Như Quỳnh